**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2-LỚP 11**

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.**

**a.Kiến thức:**

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở trong học kỳ II lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

-Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

**c. Năng lực**

*Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được nội dung cơ bản của công dân bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng về dân tộc và tôn giáo, quyền và nghĩa vụ công dân trong vấn đề bình đẳng giới, về thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội và bảo vệ Tổ quốc cũng như các quyền tự do cơ bản của công dân về chỗ ở, bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

*Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân

**b. Phẩm chất:**

*Trung thực:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

*Trách nhiệm*: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

*Chăm chỉ:* Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

**II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA**

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội

Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm

Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2-LỚP 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Bài** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỷ lệ % Điểm** |
| **Dạng 1** | | | **Dạng 2** | | | **Tự luận** | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận** |
| 1 | Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | I.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 2 | Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | I.1 |  |  | I.1 |  | III.1 |  |  |  | 1 | 1 | 1 | 7,5 |
| 3 | Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo | I.2 |  |  |  |  | III.1 |  |  |  | 2 |  | 1 | 7,5 |
| 5 | Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | I.2 |  |  | I.1 | I.1 |  |  |  |  | 2 | 2 |  | 10 |
| 6 | Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử | I.1 | I.1 |  |  | I.1 |  |  |  |  | 1 | 2 |  | 7,5 |
| 7 | Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo | I.1 |  |  |  |  | III.1 |  |  |  | 1 |  | 1 | 5 |
| 8 | Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc | I.2 |  |  |  |  |  |  |  | III.1 | 2 |  | 1 | 25 |
| 9 | Chủ đề 9: Một số quyền dtự do cơ bản của công dân | Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm | I.2 | I.2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  | 10 |
| 10 | Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở | I.2 |  |  |  |  |  |  | I.1 |  | 2 | 1 |  | 7,5 |
| 11 | Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | I.2 | I.1 |  |  |  | III.1 |  |  |  | 2 | 1 | 1 | 10 |
| **Tổng số câu** | | | 16 | 4 |  | 2 | 2 | 4 |  | 1 | 1 | 16 | 9 | 5 | 100 |
| **Tổng số điểm** | | | 4 | 1 |  | 0,5 | 0,5 | 1 |  | 1 | 2 | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10 |
| **Tỷ lệ %** | | | 50 | | | 20 | | | 30 | | | 40 | 30 | 30 | 100 |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Bài** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mức độ** | **Số câu** | | | **Đánh giá  năng lực** | |
| **D1** | **D2** | **Tự  luận** | **Tên  NL** | **Chỉ báo** |
|
| 1 | Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật | Nêu được nội dung bình đẳng về quyền | Biết | C01 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 2 | Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | Nêu được nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị | Biết | C02 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 3 | Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | Đánh giá được việc thực hiện quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động | Vận |  | 1D |  | NL.3 | Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội |
| 4 | Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội | Thực hiện quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế | Hiểu |  | 1B |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 5 | Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc | Nêu được khái niệm quyền bình đẳng giữa các dân tộc | Biết | C03 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 6 | Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc | Đánh giá việc thực hiện quyền bình đằng giữa các dân tộc | Vận |  | 1C |  | NL.3 | Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội |
| 7 | Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc | Nêu được khái niệm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo | Biết | C04 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 8 | Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | Chỉ ra được nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội | Biết | C05  C19 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 9 | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | Thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội | Hiểu |  | 1A |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 10 | Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội | Vận dụng quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội | Hiểu |  | 2A |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 11 | Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử | Chỉ ra được việc thực hiện quyền bầu cử của công dân | Biết | C06 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 12 | Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử | Phân biệt được các hành vi thực hiện đúng quyền của công dân về bầu cử | Hiểu |  | 2C |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 13 | Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử | Phân biệt được các hành vi thực hiện đúng quyền của công dân về bầu cử | Hiểu | C18 |  |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 14 | Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo | Nêu được nội dung quyền khiếu nại, tố cáo | Biết | C07 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 15 | Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo | Sử dụng quyền khiếu nại tố cáo trong thực tiễn | Vận |  | 2D |  | NL.3 | Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội |
| 16 | Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc | Chỉ ra được quyền của công dân về bảo vệ tổ quốc | Biết | C08  C16 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 17 | Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc | Nhận thức được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ tổ quốc | Vận |  |  | **TL2** | NL.3 | Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội |
| 18 | Chủ đề 9: Một số quyền dtự do cơ bản của công dân | Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm | Nêu được nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể | Biết | C09 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 19 | Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm | Đánh giá được việc thực quyền bất khả xâm phạm về thân thể | Hiểu | C17 |  |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 20 | Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm | Đánh giá được việc thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân | Hiểu | C20 |  |  | NL.1 | Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 21 | Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thề, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm | Chỉ ra được các quy định về việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể | Biết | C10 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 22 | Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở | Nêu được khái niệm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở | Biết | C11 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 23 | Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở | Chỉ ra được việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân | Biết | C12 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 24 | Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Nêu được nội dung quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân | Biết | C13 |  |  | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 25 | Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Chỉ ra được việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân | Biết | C14 |  |  | NL.1 | -Nhận thức chuẩn mực hành vi |
| 26 | Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Phân biệt được các hành vi thực hiện đúng quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Hiểu | C15 |  | **TL1** | NL.1 | Nhận thức chuẩn mực hành vi  -Đánh giá hành vi của bản thân và người khác |
| 27 | Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Chỉ ra được quyền của công dân trong việc bảo đảm an toàn, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín | Vận |  | 2B |  | NL.3 | Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội |
| 28 | Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin | Nêu được khái niệm quyền tự do ngôn luận | Biết |  |  |  | NL.1 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | | |  | 20 | 8 | 2 |  |  |
| **Tổng số điểm** | | | |  | 5 | 2 | 3 |  |  |
| **Tỷ lệ %** | | | |  | 50 | 20 | 30 |  |  |